

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05/01/2023
“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Cần.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đoàn Thị Thanh Nhân.
- Bà Trần Thị Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trương Bảo Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế (Số 60 đường Nguyễn Huệ, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 773/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 241/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Kiều M, sinh năm 1993; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 157 đường Đ, phường T, thành phố H, tỉnh H; chỗ ở hiện nay: Số 09 kiệt 17 đường H, phường V, thành phố H, tỉnh H, có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1993; địa chỉ: Số 157 đường Đ, phường T, thành phố H, tỉnh H, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 10 năm 2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Huỳnh Thị Kiều M trình bày:

Chị và Anh Lê Văn H sau thời gian tìm hiểu được khoảng 01 năm rồi đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện được sự đồng ý của hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 01/02/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà cha, mẹ chồng tại số 157 đường Đ, phường T, thành phố H, tỉnh H, đến giữa năm 2018 thì vợ chồng thuê nhà để ở riêng. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 02 năm, sau đó thì xảy ra

mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến cuộc sống vợ chồng ngày một căng thẳng, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng cứ kéo dài. Nên từ tháng 01/2022 chị đã bỏ con về nhà cha, mẹ ruột của chị tại số 09/17 đường H, phường V, thành phố Huế để ở. Từ đó, vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, ai biết bốn phận người đó. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn được, nên chị gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Lê Văn H.

Về con chung: Quá trình chung sống chị với Anh Lê Văn H có 01 con chung là cháu Lê Huỳnh Gia H, sinh ngày 15/10/2016. Hiện nay cháu H đang ở với chị. Nay ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Huỳnh Gia H cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu Anh Lê Văn H cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống chị và Anh Lê Văn H không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, ngày 31/10/2022, Tòa án đã có thông báo thụ lý vụ án số: 773/TB-TLVA và tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý và Giấy triệu tập số 221/GTT-TA ngày 18/5/2017 và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 28/11/2022 và vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 01/12/2022 để Anh Lê Văn H là bị đơn trong vụ án đến Tòa án để làm việc để trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng Anh Lê Văn H đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Chị M có đơn đề nghị Tòa án không tiếp tục tiến hành hòa giải. Do vậy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 20/12/2022 anh H vắng mặt, Tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa, ấn định lại thời gian xét xử. Tòa án đã tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai theo quy định pháp luật cho Anh Lê Văn H, nhưng Anh Lê Văn H vẫn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

Xét thấy: Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đối với bị đơn nhưng anh Lê Văn H vắng mặt không có lý do chính đáng, là thuộc trường hợp cố tình vắng mặt, gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt là không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn Anh Lê Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án để giải quyết vụ án theo hướng:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Kiều M, chị Huỳnh Thị Kiều M được ly hôn với Anh Lê Văn H.

+ Về con chung: Giao cháu Lê Huỳnh Gia H, sinh ngày 15/10/2016 cho chị Huỳnh Thị Kiều M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Lê Huỳnh Gia H trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Lê Văn H không cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau khi ly hôn.

+ Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét

+ Về án phí: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kiều M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên toà, Toà án nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Văn H là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Kiều M và Anh Lê Văn H sau thời gian tìm hiểu được khoảng 01 năm rồi đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện được sự đồng ý của hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh H vào ngày 01/02/2016, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 02 năm, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, nên từ đó vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nên từ tháng 01/2022 chị Huỳnh Thị Kiều M đã cùng con về nhà cha, mẹ chị tại số 09/17 Hàn Mặc Tử, phường V, thành phố Huế để ở; từ đó vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, ai biết bổn phận người đó. Mặt khác, tại biên bản xác minh tại UBND phường T, thành phố H vào ngày 22/11/2022 cung cấp có nội dung: Chị Huỳnh Thị Kiều M và Anh Lê Văn H là vợ chồng sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà cha, mẹ anh Huy tại số 157 đường Đ, phường T, thành phố H, sau đó thì vợ chồng ra ở riêng. Đến đầu năm 2022 thì anh H về lại nhà mẹ của anh tại địa chỉ số 157 đường Đ, phường T, thành phố H để ở, còn vợ của anh H về ở với nhà cha, mẹ của chị để ở. Vợ chồng đã sống ly thân hơn 06 tháng nay. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Huỳnh Thị Kiều M và Anh Lê Văn H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Kiều M, cho chị Huỳnh Thị Kiều M được ly hôn với Anh Lê Văn H.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị Huỳnh Thị Kiều M và Anh Lê Văn H có 01 con chung là cháu Lê Huỳnh Gia H, sinh ngày 15/10/2016. Hiện cháu H đang do chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị M cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hiếu. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Lê Huỳnh Gia H đang còn nhỏ, nên cần có sự chăm sóc của mẹ, chị M cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H, nên cần giao cháu Lê Huỳnh Gia H, sinh ngày 15/10/2016 cho chị Huỳnh Thị Kiều M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Lê Huỳnh Gia H trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị Huỳnh Thị Kiều M không yêu cầu Anh Lê Văn H cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau khi ly hôn, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống chị Huỳnh Thị Kiều M và Anh Lê Văn H không có tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Huỳnh Thị Kiều M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51 khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Kiều M, chị Huỳnh Thị Kiều M được ly hôn với Anh Lê Văn H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Huỳnh Gia H, sinh ngày 15/10/2016 cho chị Huỳnh Thị Kiều M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Lê Huỳnh Gia H trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Lê Văn H không cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau khi ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Huỳnh Thị Kiều M và Anh Lê Văn H không có tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Huỳnh Thị Kiều M chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Huỳnh Thị Kiều M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0004683 ngày 31 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Chị Huỳnh Thị Kiều M đã nộp đủ án phí, nay không phải nộp.

Án sơ thẩm xét xử công khai nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
 - VKSND thành phố Huế;
 - Chi cục THADS thành phố Huế;
 - UBND phường T, thành phố Huế;
- (Chị M, anh H đăng ký kết hôn số: 07/2016, ngày 01/02/2016);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án;
 - Lưu dấu án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Trọng Cẩn